

**TIN TIÊU ĐIỂM:**

**B**ảo hiểm  
Quy định tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Ngày 27/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Một trong những nội dung đáng chú ý tại Quyết định này là quy định về việc thu tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Cụ thể, trường hợp chậm đóng bảo hiểm y tế từ 30 ngày trở lên, số tiền lãi phải nộp bằng 02 lần mức lãi suất thị trường liên ngân hàng kỳ hạn 09 tháng của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; trường hợp lãi suất liên ngân hàng năm trước liền kề không có kỳ hạn 09 tháng thì áp dụng theo mức lãi suất của kỳ hạn liền trước kỳ hạn 09 tháng.

Với trường hợp trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 30 ngày trở lên, số tiền lãi phải nộp bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng.

Số tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thu được, cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp quyết toán riêng với Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Sau đó, tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội được bổ sung vào Quỹ hưu trí, tử tuất thuộc Quỹ bảo hiểm xã hội; tiền lãi chậm đóng bảo hiểm y tế được bổ sung vào Quỹ dự phòng bảo hiểm y tế để điều tiết chung; tiền lãi chậm đóng bảo hiểm thất nghiệp được bổ sung vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/01/2016.

# **T**huế **Bổ sung trường hợp không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng**

Ngày 24/11/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 193/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Theo đó, ngoài một số trường hợp theo quy định hiện hành như: Chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp, hợp tác xã; nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác..., từ ngày 10/01/2016, tổ chức, doanh nghiệp nhận các khoản thù lao từ cơ quan Nhà nước do thực hiện các hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan Nhà nước không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Trong đó, thù lao chi hộ, thu hộ các cơ quan Nhà nước là các khoản thù lao nhận được từ hoạt động thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện cho cơ quan bảo hiểm xã hội; chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công, trợ cấp khác cho Bộ Lao động thương binh và Xã hội; thu thuế của hộ cá nhân cho cơ quan thuế và các khoản thu hộ, chi hộ khác cho cơ quan Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2016.

## **X**uất nhập khẩu **Xử lý hàng hóa không chuyển phát được cho người nhận**

**Ngày 24/11/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 191/2015/TT-BTC quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, yêu cầu doanh nghiệp chuyển phát nhanh phải chủ động phối hợp với cơ quan hải quan xử lý hàng hóa không phát được cho người nhận. Trường hợp hàng hóa đã thông quan, đã nộp thuế xuất khẩu hoặc thuế nhập khẩu nhưng không chuyển phát được cho người nhận theo địa chỉ trên vận đơn, doanh nghiệp nộp hồ sơ và thực hiện hoàn thuế theo quy định của pháp luật**

Bên cạnh đó, doanh nghiệp chuyển phát nhanh phải đảm bảo xe chuyên dụng, bao bì chuyên dụng đáp ứng điều kiện niêm phong hải quan; kết nối hệ thống quản lý mã vạch hàng hóa với bộ phận giám sát hải quan để quản lý, giám sát đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào khu vực giám sát; đăng ký trước với cơ quan hải quan về thời gian làm thủ tục hải quan trong trường hợp thực hiện ngoài giờ hành chính.

Về hàng hóa, Thông tư quy định, hàng hóa xuất, nhập khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế được chia làm 03 nhóm. Cụ thể, các nhóm hàng hóa nhập khẩu bao gồm: Nhóm hàng hóa là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại; Nhóm hàng hóa được miễn thuế trong định mức theo quy định, trừ hàng hóa phải có Giấy phép nhập khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành; Nhóm hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp trên. Hàng hóa xuất khẩu được chia thành các nhóm: Nhóm hàng hóa xuất khẩu là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại; Nhóm hàng hóa xuất khẩu có trị giá dưới 05 triệu đồng và không có thuế xuất khẩu, trừ hàng hóa phải có Giấy phép xuất khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành; Nhóm hàng hóa xuất khẩu còn lại.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

**C**ông nghiệp  
**Bộ Công Thương ban hành Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn**

**Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương vừa được Bộ này ban hành ngày 24/11/2015 tại Thông tư số 41/2015/TT-BCT**

Danh mục bao gồm 25 máy, thiết bị đặc thù công nghiệp; 03 loại hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp và 01 sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương. Trong đó, đáng chú ý là: Sản phẩm dệt may các loại; máy nổ mìn điện; thiết bị thông tin phòng nổ; máy phát điện phòng nổ; máy nâng người với chiều cao nâng lớn hơn 2m dùng trong công nghiệp; cần trục, cổng trục, cầu trục dùng trong công nghiệp; tiền chất thuốc nổ...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

## NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

### MONG MANH GIỮA TIẾN BỘ VÀ RÀO CẢN (tiếp)

*Luật sư Nguyễn Hưng Quang*

*Luật sư Trần Thanh Huyền*

*Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị Phần II của bài viết "Mong manh giữa rào cản và tiến bộ", tiếp tục bàn luận về những vướng mắc khác có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Doanh nghiệp 2014.*

#### **Y**êu cầu về điều kiện hồ sơ của Nghị định 78/2015/NĐ-CP vượt quá quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

Khi thay đổi những nội dung về ngành nghề kinh doanh, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thay đổi những nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật chỉ cần gửi thông báo thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi" (Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 32).

Tuy nhiên, Nghị định 78/2015/NĐ-CP tại các Điều 49, Điều 51, Điều 52 đã yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thêm rất nhiều giấy tờ tài liệu, cụ thể:

- Đối với trường hợp bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh: Kèm theo Thông báo phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (HĐTV) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công

ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 49).

- Trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập do cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần, ngoài việc nộp Thông báo theo quy định, trong hồ sơ thông báo còn phải có phải có: Danh sách thông tin của các cổ đông sáng lập khi đã thay đổi; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phân vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 51, khoản 3).
- Trường hợp công ty cổ phần chưa niêm yết thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: Kèm theo Thông báo phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của ĐHCĐ về việc thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài; danh sách các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khi đã thay đổi; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao

*hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với cổ đông nước ngoài nhận chuyển nhượng là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông nước ngoài nhận chuyển nhượng là cá nhân; văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. (Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 52 khoản 1)*

Những yêu cầu nêu trên của Nghị định 78/2015/NĐ-CP là hoàn toàn không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, và gây khó cho doanh nghiệp vì Luật Doanh nghiệp 2014 yêu cầu Doanh nghiệp phải thông báo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi, trong khi đó Nghị định yêu cầu hàng loạt các tài liệu có liên quan như biên bản họp HĐQT, ĐHĐCĐ... Để tổ chức được một cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo một quy trình thông thường của Luật Doanh nghiệp, Doanh nghiệp cũng phải mất ít nhất là 15 ngày chưa kể phải mời họp nhiều lần vì không đủ số thành viên/cổ đông dự họp hay công ty có hàng trăm cổ đông. Bên cạnh những khó khăn trong việc tổ chức họp để thông qua ngành nghề kinh doanh thì doanh nghiệp không chắc chắn là ngành nghề mà mình thông qua có được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận. Trong trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu sửa đổi, doanh nghiệp lại phải tổ chức họp lại. Đây thực sự là một khó khăn lớn cho doanh nghiệp có

nhiều cổ đông hoặc có các cổ đông cư trú tại nhiều địa bàn khác nhau...

### **Hồ sơ đăng ký chuyển đổi doanh nghiệp tại Điều 25 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP chưa đầy đủ các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014**

Điều 25 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định hồ sơ cho trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, nhưng chủ yếu tập trung vào hình thức chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp trong khi các trường hợp khác lại không được quy định, ví dụ như tặng cho phần vốn góp, mua lại phần vốn góp, thành viên dùng vốn góp để trả nợ, tặng cho cổ phần/phần vốn góp... theo quy định tại Điều 52, 53 và 54 Luật Doanh nghiệp 2014.

Nghị định đề cập rất nhiều đến “các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng” là không phù hợp với quyền chủ động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong nhiều giao dịch mua bán cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, các bên thống nhất điều kiện hoàn tất giao dịch và thanh toán khi mà Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đã có tên của bên mua với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn, chủ sở hữu... Vì vậy, quy định nêu trên sẽ hạn chế một phương thức bảo đảm việc thực hiện hợp đồng mua bán và các khó khăn khác cho doanh nghiệp. Ví dụ như nhà đầu tư nước ngoài chuyển tiền để mua cổ phần/phần vốn góp nhưng nếu cơ quan đăng ký doanh nghiệp không đồng ý cho hoạt động chuyển nhượng đó thì nhà đầu tư và doanh nghiệp

nhận tiền sẽ gặp khó khăn trong việc chuyển tiền ra khỏi Việt Nam.

**Phát sinh thêm cơ quan yêu cầu doanh nghiệp không được thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Khoản 1, Điều 56 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã quy định về các trường hợp doanh nghiệp không được thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

- i. *Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;*
- ii. *Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp;*
- iii. *Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc cơ quan công an.*

Quy định của Điều 56 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP không dựa trên bất kỳ một căn cứ nào của Luật Doanh nghiệp 2014 hay pháp luật chuyên ngành khi không cho phép doanh nghiệp được thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp 2014 chỉ quy định toà án và trọng tài được quyền yêu cầu thay đổi nội dung giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ luật Tố tụng dân sự cho phép toà án được cấm hoặc buộc đương sự một số hành vi nhất định<sup>1</sup>. Không rõ việc bổ sung thêm cơ quan

thi hành án, cơ quan công an có quyền hạn chế doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh là dựa trên các quy định pháp lý nào?

Ngoài ra, khoản 2 của Điều 56 có cho phép doanh nghiệp được tiếp tục việc đăng ký thay đổi khi có ý kiến chấp thuận của các cơ quan đã có quyết định ngăn cản, như toà án, cơ quan thi hành án nhưng không quy định trường hợp về chủ thể cơ quan công an. Như vậy, nếu doanh nghiệp bị một yêu cầu của cơ quan công an về cấm thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh buộc phải chờ một quyết định của toà án mới có thể cho phép đăng ký tiếp tục. Nếu không sửa đổi hoặc minh định rõ quy định này thì những hành vi của các cơ quan nêu trên lại không có cơ chế kiểm soát thì có thể hạn chế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Cần hạn chế các thủ tục về đăng ký kinh doanh**

Khoản 8, Điều 8, Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định: “*Đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp mã số đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế 13 số, sau đó thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định*”.

Hiện tại, chúng ta đã có hệ thống đăng kí kinh doanh quốc gia, đồng thời hệ thống đăng kí kinh doanh và đăng kí thuế đã kết nối với nhau. Như vậy, doanh nghiệp thay vì thực hiện 2 bước: Bước 1: Xin mã số thuế 13 số tại cơ quan thuế; Bước 2: thực hiện thủ tục

<sup>1</sup> Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, Điều 102.

thay đổi nội dung đăng kí kinh doanh thì doanh nghiệp có thể làm một bước: nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ chuyển thông tin sang cơ quan thuế để cấp mã số 13 số cho chi nhánh, văn phòng đại diện. Trên cơ sở mã số thuế cơ quan thuế cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ thay đổi nội dung đăng kí kinh doanh cho chi nhánh, văn phòng đại diện. Tuy nhiên, Nghị định lại yêu cầu doanh nghiệp phải thực

hiện riêng thủ tục tại cơ quan thuế. Sau khi hoàn thành thủ tục tại cơ quan thuế mới được tiến hành thủ tục thay đổi nội dung đăng kí hoạt động tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Quy định như vậy là tạo thêm các bước, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và làm tăng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Vì vậy, rất mong các doanh nghiệp cần chú ý tới những quy định mới này trong hoạt động kinh doanh của mình./.

***Lưu ý:** Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một cách chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.*



**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY  
25/11/2015 ĐẾN NGÀY 08/12/2015**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Thông tư 193/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng	24/11/2015
2.	Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-TTCT-NHNN của Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn phong tỏa tài sản của đối tượng thanh tra	25/11/2015
3.	Thông tư 191/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	24/11/2015
4.	Thông tư 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về trang phục y tế	30/11/2015
5.	Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu	27/11/2015
6.	Quyết định 60/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	27/11/2015
7.	Nghị quyết 81/NQ-CP của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2015	02/12/2015
8.	Quyết định 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	25/11/2015
9.	Chỉ thị 30/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm soát dự án đầu tư sử dụng nhiều năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường	27/11/2015
10.	Thông tư liên tịch 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra	23/11/2015
11.	Thông tư 43/2015/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện	26/11/2015
12.	Quyết định 2055/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	23/11/2015

13.	Thông tư 41/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương	24/11/2015
14.	Chỉ thị 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	19/11/2015